

Bản án số: 106/2024/DS-ST

Ngày: 05/8/2024

V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tư;

2. Ông Huỳnh Văn Thanh

- Thư ký phiên Tòa: – Ông Phạm Minh Đăng - Thư ký tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong các ngày 02 và 05 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 208/2024/TLST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2024 về việc tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Q, sinh năm 1972. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1972. (có mặt)

Bà Phan Thị N, sinh năm 1973. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn bà Võ Thị Q trình bày:

Vào năm 2019 tôi có tổ chức đây hụi 5.000.000đ, khai ngày 10/02/2019 al, 02 tháng khai 01 lần, hụi có 29 phần, vợ chồng ông H, bà N tham gia 01 phần với tên trong giấy hụi là “Thiểm Hùng”. Đến kỳ thứ 4 thì vợ chồng bà N bỏ thăm hốt hụi, tôi đã giao hụi đầy đủ cho bà N, ông H. Sau đó bà N, ông H không đóng đủ tiền hụi chết cho tôi còn thiếu lại tôi số tiền 64.000.000đ, nay tôi yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả cho tôi số tiền nợ hụi 64.000.000đ, yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn bà Phan Thị N, ông Nguyễn Thanh H trình bày:

Vào năm 2019 chúng tôi có tham gia 01 phần hụi 5.000.000đ của bà Q, đã hốt chỉ còn nợ lại bà Q số tiền 40.000.000đ, hai bên có viết biên nhận nợ số tiền này. Nay chúng tôi chỉ đồng ý trả cho bà Q số tiền nợ hụi 40.000.000đ, xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn bà Võ Thị Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ hụi 64.000.000đ, yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Bị đơn không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn, chỉ đồng ý trả số tiền 40.000.000đ theo biên nhận ngày 04/02/2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Q xác định đây là quan hệ tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự; Bị đơn có địa chỉ tại Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn: Bà Q yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ hụi 64.000.000đ, do biên nhận ngày 04/02/2023 âm lịch là biên nhận được lập khi chưa mãn hụi còn 04 kỳ hụi chưa khui và bị đơn còn thiếu lại 20.000.000đ tiền hụi chết, ngoài ra tại thời điểm làm biên nhận bị đơn còn thiếu 44.000.000đ nhưng khi làm thì chỉ ghi 40.000.000đ theo đó 02 bên có thỏa thuận cho bị đơn trả riêng số tiền 4.000.000đ, nhưng sau đó bị đơn không trả nên ngoài biên nhận 40.000.000đ và 04 kỳ hụi chết 20.000.000đ cộng với 4.000.000đ không ghi vào biên nhận, tổng cộng yêu cầu bị đơn phải trả 64.000.000đ. Phía bị đơn bà N, ông H cho rằng đã trả cho nguyên đơn 04 kỳ hụi chết, nên khi làm biên nhận là gộp chung và chốt lại, nên vợ chồng ông H, bà N chỉ còn nợ lại 40.000.000đ chỉ đồng ý trả bà Q số tiền này, xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi hết nợ, phía bà Q không đồng ý với số tiền và yêu cầu trả dần của bị đơn.

Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ 1 phần, bởi tại biên nhận ngày 04/02/2023 âm lịch thể hiện nội dung bị đơn có nợ bà Q số tiền 40.000.000đ. Tuy nhiên dây hụi này đến tháng 08/2023 âm lịch mới mãn hụi, tức khi chốt hụi bà Q không ghi rõ ngoài số tiền nợ hụi này ra thì còn thiếu 04 kỳ hụi chết chưa khui. Phía bị đơn thì cho rằng tại thời điểm lập biên nhận còn lại 04 kỳ hụi chết chưa khui, nhưng do không biết, nên không yêu cầu bà Q ghi rõ là số tiền 40.000.000đ là đã bao gồm 04 kỳ hụi chết (20.000.000đ). Tại phiên tòa bị đơn thừa nhận còn nợ lại 4 kỳ hụi chết nhưng đã chốt trong biên nhận ngày 04/02/2023 âm lịch. Do biên nhận không thể hiện nội dung đã bao gồm 04 kỳ hụi chết đồng thời ngày làm biên nhận cũng chưa mãn hụi mà còn lại 04 kỳ hụi chưa mãn như hai bên trình bày.

Thấy rằng ngoài biên nhận ngày 04/02/2023 âm lịch nợ số tiền 40.000.000đ, 04 kỳ hụi 20.000.000đ bị đơn thừa nhận có nợ lại. Còn số tiền 4.000.000đ bà Q cho rằng khi làm biên nhận không ghi mà để bị đơn trả riêng, nhưng sau đó chưa trả. Tuy nhiên phía bị đơn không thừa nhận số tiền này và ngoài lời trình bày ra thì bà Q không có tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh bị đơn có nợ số tiền 4.000.000đ. Mặc khác những người làm chứng là Đỗ Thị Minh T, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thanh H, Võ Văn O cũng có văn bản xác nhận có tham gia chơi chung dây hụi bà Q làm chủ hụi. Tại phiên tòa bà Võ Thị Thanh T, sinh năm 1979 là người làm chứng trình bày, bà có tham gia chung dây hụi với ông H, bà N do bà Q làm chủ, có nghe bà Q nói ông H, bà N còn nợ lại bà Q nhưng số tiền cụ thể thì bà không nắm rõ. Từ những phân tích cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét yêu cầu khởi kiện của bà Q chỉ có căn cứ 01 phần. Nên Hội đồng xét xử chỉ buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho bà Q số tiền 60.000.000đ, không chấp nhận yêu cầu đối với số tiền 4.000.000đ.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn phải chịu án phí với số tiền không được chấp nhận theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

